TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23/02/2024
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết Nga

Bà Nguyễn Thị Út

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc *"Xin ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Ngọc L**, sinh năm 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số D đường H, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Ngọc L trình bày:

Qua quen biết bà L và ông Huỳnh Văn H có tiến đến hôn nhân, có ra mắt gia đình hai bên vào năm 1994 theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Ông bà đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, hiện bà L vẫn sinh sống tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long còn ông H đã dọn ra ngoài ở trọ. Từ lúc ly thân đến nay ông H cũng không có ý định hàn gắn hôn nhân với bà L.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 31/7/1999. Hiện cháu L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Ngọc L về quan hệ hôn nhân. Ông và bà L có tiến đến hôn nhân vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng ông cũng có những mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày không thể hòa giải được. Hiện ông H cũng không còn tình cảm với bà L nữa. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay theo yêu cầu của bà L thì ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H đồng ý ly hôn với bà Phạm Ngọc L.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 31/7/1999. Hiện cháu L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 29/01/2024 bà Phạm Ngọc L và ông Huỳnh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L và ông H vẫn bảo lưu ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Ngọc L và ông Huỳnh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông H theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Ngọc L và ông Huỳnh Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà L và ông H không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình là không có giá trị về mặt pháp lý.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L: Bà L và ông H đều thừa nhận quá trình chung sống giữa hai người đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hai người đã không còn chung sống từ đầu năm 2023 đến nay. Quá trình ly thân cả hai cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, ông bà cũng xác định cả hai không còn tình cảm với nhau và cũng không muốn tiếp tục mối quan hệ vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Ngọc L và ông Huỳnh Văn H.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 01 con chung là Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 31/7/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Tuy nhiên do bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Ngọc L và ông Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 31/7/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Tuy nhiên bà L được miễn án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka